

Số: 79 /PĐV-CBTT

Tp.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Cổ đông Công ty PV Trans Oil.

- Công ty: Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (PV Trans Oil);
- Mã chứng khoán: PDV;
- Trụ sở chính: Lầu 8, Số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM;
- Điện thoại: (028) 62911 281; Fax: (028) 62911 280; Email: info@pvoilshipping.vn;
- Người công bố: ông Hồ Sĩ Thuận – TV HĐQT Công ty/Giám đốc Công ty;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304934883 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp lần 14 ngày 09/03/2019 (lần đầu ngày 20/04/2007);
- Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường 24h Yêu cầu



Nội dung thông tin công bố:

Ngày 31/03/2020, PV Trans Oil đã công bố thông tin Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt.

Thực hiện quy định tại khoản 4, Điều 11, Thông tư 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, và căn cứ Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31/12/2019, Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt xin giải trình nguyên nhân Tăng/Giảm lợi nhuận như sau:

Stt	Khoản mục	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)	Tăng (+)/Giảm (-) (%)
1	Lợi nhuận sau thuế	8.690.586.383	1.221.193.297	611,65%

Trong năm 2019, lợi nhuận sau thuế của Công ty Tăng do những nguyên nhân sau:

- Trong Báo cáo tài chính năm 2018, Công ty đã thay đổi chính sách kế toán từ trích trước sang phân bổ, sự lựa chọn chính sách kế toán phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nên đã ảnh hưởng đến Kết quả kinh doanh trong năm 2018. Ngoài ra, trong năm 2018, tàu PVT Saturn lên dock định kỳ và thị trường vận tải thế giới vẫn đang gặp rất nhiều khó khăn và thách thức.... đây cũng là nguyên nhân đã làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của đội tàu của Công ty dẫn đến kết quả kinh doanh giảm;

- Và trong năm 2019, thị trường vận tải thế giới vẫn đang gặp nhiều khó khăn và thách thức. Tuy nhiên, đội tàu Công ty hiện nay đang hoạt động ổn định hơn với các hợp đồng dài hạn và Công ty cũng đã tiết giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh, vì vậy kết quả kinh doanh lợi nhuận sau thuế tăng hơn so với năm 2018.


Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (PV Trans Oil) xin giải trình với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về biến động Kết quả Sản xuất Kinh doanh nêu trên. Công ty cam kết các thông tin công bố là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng kính báo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban KS;
- TCKT, Website;
- Lưu: VT, HĐQT (2b).

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
GIÁM ĐỐC**



The signature is written in blue ink over two red circular stamps. The left stamp contains the text: "M.S.D.N: 0304934883", "CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT", and "QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH". The right stamp contains the text: "4883-C.T.C.P", "TY AN DẦU IG VIỆT", and "CHÍ MINH".

Hồ Sĩ Thuận

TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CPVT DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 78 /ĐDV-CBTT
V/v Công bố thông tin BCTC đã kiểm toán năm
2019

Tp.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội,

- Công ty: Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (PV Trans Oil);
- Mã chứng khoán: PDV
- Trụ sở chính: Lầu 8, Số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM;
- Điện thoại: (028) 62911 281; Fax: (028) 62911 280; Email: info@pvoilshipping.vn;
- Người công bố: ông Hồ Sĩ Thuận – TV HĐQT Công ty/Giám đốc Công ty
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304934883 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp lần 15 ngày 20/11/2019 (lần đầu ngày 20/04/2007);
- Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường 24h Yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Thực hiện Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, PV Trans Oil xin trân trọng công bố thông tin **Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019** của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt theo file đính kèm.

- Thông tin được công bố trên trang thông tin điện tử của CTCP Vận tải Dầu Phương Đông Việt tại website <http://pvoilshipping.vn/>

PV Trans Oil cam kết các thông tin công bố là đúng với sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng kính báo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban KS;
- TCKT, Website;
- Lưu: VT, HĐQT (1b).

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

GIÁM ĐỐC



Hồ Sĩ Thuận



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 28



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Đức Chính	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoài Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2019)
Ông Hồ Sĩ Thuận	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Bằng	Thành viên
Ông Trần Duy Tân	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2020)

Ban Giám đốc

Ông Hồ Sĩ Thuận	Giám đốc
Ông Phạm Huy Hiệp	Phó Giám đốc
Ông Ngô Mạnh Hà	Phó Giám đốc
Ông Vũ Trọng Độ	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2020)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hồ Sĩ Thuận
Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

Số: 0759 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2020, từ trang 03 đến trang 28, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

00-00
HÀNH
S TY
M HỮU
TTI
NAM
HỒ C

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 12 phần Thuyết minh báo cáo tài chính liên quan việc thay đổi thời gian hữu dụng của tài sản cố định hữu hình. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0138-2018-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

A blue ink signature of Phạm Hoàng Khánh Phương.

Phạm Hoàng Khánh Phương
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2756-2020-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		124.179.630.741	195.892.573.095
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	38.472.303.657	62.672.839.880
1. Tiền	111		13.472.303.657	55.672.839.880
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	7.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.880.000.000	22.900.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	2.880.000.000	22.900.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.761.489.509	87.275.116.575
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	26.613.054.320	25.025.222.905
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.487.333.099	43.310.582.688
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	20.829.794.315	21.193.764.554
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.168.692.225)	(2.254.453.572)
IV. Hàng tồn kho	140	10	19.341.061.172	13.888.324.794
1. Hàng tồn kho	141		19.341.061.172	13.888.324.794
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.724.776.403	9.156.291.846
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	3.559.387.018	1.041.184.343
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.155.623.230	7.572.107.259
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	9.766.155	543.000.244
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		645.346.977.158	287.649.807.956
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		355.572.000	355.572.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	355.572.000	355.572.000
II. Tài sản cố định	220		613.111.265.617	258.097.591.167
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	611.206.729.577	256.160.928.979
- Nguyên giá	222		932.072.741.669	521.993.684.836
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(320.866.012.092)	(265.832.755.857)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.904.536.040	1.936.662.188
- Nguyên giá	228		2.431.037.064	2.431.037.064
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(526.501.024)	(494.374.876)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	263.712.600
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	263.712.600
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	1.800.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5	-	1.800.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		31.880.139.541	27.132.932.189
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	29.752.950.897	27.132.932.189
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	2.127.188.644	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		769.526.607.899	483.542.381.051

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		455.833.523.780	272.496.575.660
I. Nợ ngắn hạn	310		210.070.181.007	220.148.475.660
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	87.947.463.083	71.463.682.406
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		14.345.787.147	12.589.024.250
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.007.440.460	54.252.516
4. Phải trả người lao động	314		5.761.501.172	4.826.979.864
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	3.735.961.855	2.713.934.557
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	19.360.661.124	62.460.005.354
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	76.689.016.928	65.942.450.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		222.349.238	98.146.713
II. Nợ dài hạn	330		245.763.342.773	52.348.100.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	245.763.342.773	52.348.100.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		313.693.084.119	211.045.805.391
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	313.693.084.119	211.045.805.391
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		295.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		235.000.000.000	170.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		60.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		164.545.455	500.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.033.656.185	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.494.882.479	10.545.805.391
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		6.804.296.096	9.324.612.094
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		8.690.586.383	1.221.193.297
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		769.526.607.899	483.542.381.051

Tăng Kim Thụy Vi
Người lập biểu

Nguyễn Thái Đạo
Kế toán trưởng



Hồ Sĩ Thuận
Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao
 Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		940.277.033.216	870.538.020.950
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	24	940.277.033.216	870.538.020.950
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	895.532.873.947	845.558.524.117
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		44.744.159.269	24.979.496.833
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	9.778.092.440	5.231.452.960
6. Chi phí tài chính	22	28	20.949.585.387	9.888.463.527
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.317.370.542	4.512.874.694
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	27.631.860.008	20.831.787.934
8. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		5.940.806.314	(509.301.668)
9. Thu nhập khác	31	30	4.949.510.601	2.515.098.185
10. Chi phí khác	32		24.247.403	371.049.382
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.925.263.198	2.144.048.803
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		10.866.069.512	1.634.747.135
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	4.302.671.773	413.553.838
14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	31	(2.127.188.644)	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		8.690.586.383	1.221.193.297
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	415	67



Tăng Kim Thụy Vi
 Người lập biểu



Nguyễn Thái Đạo
 Kế toán trưởng



Hồ Sĩ Thuận
 Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

0017
 CHI
 CẾ
 ÍCH N
 DEI
 VIỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆTLầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**MẪU SỐ B 03-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.866.069.512	1.634.747.135
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	55.065.382.383	21.300.055.075
Các khoản dự phòng	03	914.238.653	(331.856.868)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(5.837.579.498)	10.212.369.614
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.353.981.920)	(1.708.437.530)
Chi phí lãi vay	06	13.317.370.542	4.512.874.694
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	71.971.499.672	35.619.752.120
Thay đổi các khoản phải thu	09	(8.376.373.456)	(21.317.078.930)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(5.452.736.378)	(4.203.542.558)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(17.483.050.355)	79.167.505.608
Thay đổi chi phí trả trước	12	(5.138.221.383)	7.824.460.472
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.201.800.827)	(5.038.122.541)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.944.967.197)	(5.272.445.644)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16	3.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(586.650.585)	(528.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	20.790.699.491	86.251.928.527
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định	21	(367.627.556.833)	(42.715.212.600)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.080.000.000)	(24.700.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	22.900.000.000	300.000.000
4. Thu lãi tiền gửi	27	2.289.454.374	1.335.388.363
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(343.518.102.459)	(65.779.824.237)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	95.000.000.000	-
2. Tiền chi cho chi phí phát hành cổ phiếu	32	(335.454.545)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	280.415.264.702	7.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(76.576.671.939)	(52.712.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	298.503.138.218	(45.712.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(24.224.264.750)	(25.240.395.710)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	62.672.839.880	87.934.147.030
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	23.728.527	(20.911.440)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	38.472.303.657	62.672.839.880


Tăng Kim Thụy Vi
Người lập biểuNguyễn Thái Đạo
Kế toán trưởng

Hồ Sĩ Thuận
Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Dầu mỏ Phương Đông, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2007 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại sàn giao dịch UpCom vào ngày 20 tháng 4 năm 2017 với mã chứng khoán là PDV.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 230 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 195 người).

Hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh); Bán buôn hạt nhựa, sản phẩm nhựa công nghiệp, bao bì bằng nhựa; Kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải: tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dạy nghề; Chuẩn bị mặt bằng; Dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Dịch vụ cung cấp nước ngọt cho tàu biển; Bán buôn thực phẩm, đồ uống không có cồn, máy móc thiết bị và phụ tùng phục vụ sản xuất: công nghiệp, hàng hải, khai khoáng, xây dựng, chế biến và kinh doanh xăng dầu, nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan (trừ gas), xi măng, clanhke, phân bón, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp - công nghiệp chế biến xăng dầu (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Vận tải hàng hóa bằng xe bồn chở chất lỏng; Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa đường bộ, cảng sông, cảng biển; Tư vấn quản lý, kỹ thuật; Cung ứng và quản lý lao động trong nước.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Phương tiện vận tải	08 - 25
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019, Ban Giám đốc của Công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng của phương tiện vận tải của Công ty là tàu Venus và Jupiter. Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc thay đổi thời gian khấu hao của tài sản là phù hợp với tình hình thực tế sử dụng tài sản, tình trạng kỹ thuật và kế hoạch khai thác các tàu này. Chi tiết của việc thay đổi thời gian khấu hao được trình bày tại Thuyết minh số 12.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn sẽ không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí vật tư xuất dùng cho tàu, chi phí sửa chữa tàu định kỳ và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một năm rưỡi đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	213.652.664	154.457.061
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.258.650.993	55.518.382.819
Các khoản tương đương tiền	25.000.000.000	7.000.000.000
	38.472.303.657	62.672.839.880

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn ba tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng là 5,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn ba tháng với lãi suất được hưởng là 5,2%/năm).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ sáu tháng đến mười tám tháng và có kỳ hạn còn lại dưới mười hai tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng là từ 5,5 đến 6,6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 5,7%/năm). Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được sử dụng để đảm bảo cho các nghĩa vụ trả nợ, bảo lãnh cho việc mua bán nhiên liệu và bảo lãnh dự thầu phát sinh tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("MSB") sau khi MSB trả thay các khoản bảo lãnh, các chi phí và nghĩa vụ tài chính khác.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
Prudensol Inc.	5.880.164.095	6.279.329.511
Công ty Xi măng Nghi Sơn	-	5.270.488.320
Các đối tượng khác	4.948.562.435	4.366.951.040
b. Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	15.784.327.790	9.108.454.034
	26.613.054.320	25.025.222.905

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Tân Long	-	42.451.500.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Vận tải Phương Mai	470.085.809	-
Helintec Marine Limited	289.773.000	-
Các đối tượng khác	727.474.290	859.082.688
	1.487.333.099	43.310.582.688

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Tạm ứng cho nhân viên	1.445.946.487	1.160.703.910
- Ký cược, ký quỹ	108.318.000	108.318.000
- Khoản đặt cọc cho tòa án vụ tàu Venus (*)	3.149.089.696	3.187.243.964
- Khoản đặt cọc cho tòa án vụ tàu Jupiter (**)	6.357.480.578	6.254.207.121
- Phải thu khác từ bên thứ ba	9.170.851.350	10.289.291.559
- Phải thu khác từ bên liên quan:		
* Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	-	194.000.000
* Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	598.108.204	-
	20.829.794.315	21.193.764.554
b. Dài hạn		
- Ký cược, ký quỹ	355.572.000	355.572.000
	355.572.000	355.572.000

(*) Đây là khoản tiền 136.265,24 Đô la Mỹ Công ty đã đặt cọc từ tháng 10 năm 2018 theo yêu cầu của Tòa án tại Hyderabad, Ấn Độ liên quan đến tàu Venus của Công ty do người cung cấp nhiên liệu khiếu nại người thuê tàu chưa thanh toán tiền nhiên liệu và bắt giữ bất hợp lệ. Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tàu đã được giải phóng.

(**) Đây là khoản tiền 275.096,52 Đô la Mỹ Công ty đã đặt cọc từ tháng 02 năm 2018 theo yêu cầu của Tòa án tại Kolkata, Ấn Độ liên quan đến tàu Jupiter của Công ty do người cung cấp nhiên liệu khiếu nại người thuê tàu chưa thanh toán tiền nhiên liệu. Ngày 23 tháng 02 năm 2018, tàu đã được giải phóng.

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Đối tượng Nợ	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty Cổ phần Vận tải biển Gia Hải	240.110.231	-	240.110.231	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Vận tải Phương Mai	470.085.809	-	470.085.809	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	256.220.424	-	256.220.424	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực II	182.306.943	-	182.306.943	-
Thuyền trưởng tàu Phương Dong Star	478.453.937	-	263.113.139	-
Victory Tankers Limited	1.303.083.233	-	842.617.026	-
Stella Tankers (Singapore) Pte Ltd	203.073.348	-	-	-
JVL Overseas Pte Ltd	35.358.300	-	-	-
	3.168.692.225	-	2.254.453.572	-

10. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị nhiên liệu, vật tư và phụ tùng tồn trên tàu tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	3.394.814.022	1.041.184.343
Các khoản khác	164.572.996	-
	3.559.387.018	1.041.184.343
b. Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn tàu Jupiter	7.188.037.274	2.888.694.972
Chi phí sửa chữa lớn tàu Venus	1.401.380.650	6.741.340.633
Chi phí sửa chữa lớn tàu Phương Đông Star	8.259.025.485	4.724.115.788
Chi phí sửa chữa lớn tàu PVT Saturn	5.769.634.347	11.095.450.668
Chi phí sửa máy đèn tàu PVT Synergy	4.930.454.693	-
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.787.594.080	597.807.108
Các khoản khác	416.824.368	1.085.523.020
	29.752.950.897	27.132.932.189

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	529.726.274	521.082.765.985	381.192.577	521.993.684.836
Tăng trong năm	-	409.706.856.833	372.200.000	410.079.056.833
Số dư cuối năm	529.726.274	930.789.622.818	753.392.577	932.072.741.669
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	423.781.000	265.048.045.150	360.929.707	265.832.755.857
Khấu hao trong năm	52.972.632	54.906.671.485	73.612.118	55.033.256.235
Số dư cuối năm	476.753.632	319.954.716.635	434.541.825	320.866.012.092
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	105.945.274	256.034.720.835	20.262.870	256.160.928.979
Số dư cuối năm	52.972.642	610.834.906.183	318.850.752	611.206.729.577

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải của Công ty là các tàu biển với tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 lần lượt là 929.923.365.982 đồng và 610.834.906.183 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 520.216.509.149 đồng và 256.034.720.835 đồng) dùng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 1.212.713.050 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1.212.713.050 đồng).

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2019, Ban Giám đốc của Công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng của phương tiện vận tải của Công ty là tàu Venus và Jupiter từ 20 năm xuống 15 năm. Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc thay đổi thời gian khấu hao của tài sản là phù hợp với tình hình thực tế sử dụng tài sản, tình trạng kỹ thuật và kế hoạch khai thác các tàu này. Nếu thời gian khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng, giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp năm 2019 sẽ giảm với số tiền là 10.635.943.221 đồng và lợi nhuận trước thuế trong năm 2019 sẽ tăng với số tiền tương ứng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm và cuối năm	2.213.037.064	218.000.000	2.431.037.064
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	276.374.876	218.000.000	494.374.876
Khấu hao trong năm	32.126.148	-	32.126.148
Số dư cuối năm	308.501.024	218.000.000	526.501.024
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	1.936.662.188	-	1.936.662.188
Số dư cuối năm	1.904.536.040	-	1.904.536.040

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 218.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 218.000.000 đồng).

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.127.188.644	-
	2.127.188.644	-

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Bên thứ ba				
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Đồng Lực	-	-	5.245.492.720	5.245.492.720
Công ty Cổ phần Đại Đồng Tiến Rush Enterprise For Marine Services Co. Ltd.	10.594.881.000	10.594.881.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	4.036.925.429	4.036.925.429	93.231.976	93.231.976
	27.171.699.412	27.171.699.412	21.076.386.207	21.076.386.207
b. Bên liên quan				
Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí	39.946.850.350	39.946.850.350	35.410.760.858	35.410.760.858
Công ty Cổ Phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	2.974.204.450	2.974.204.450	5.431.059.000	5.431.059.000
Công ty CP Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	1.008.349.457	1.008.349.457	3.086.994.151	3.086.994.151
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	1.726.902.910	1.726.902.910	1.076.727.859	1.076.727.859
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	63.800.000	63.800.000	31.900.000	31.900.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	7.646.650	7.646.650	11.129.635	11.129.635
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	336.614.025	336.614.025	-	-
Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí	79.589.400	79.589.400	-	-
	87.947.463.083	87.947.463.083	71.463.682.406	71.463.682.406

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải thu/nộp trong năm VND	Số đã thu/nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	9.766.155	-	-	9.766.155
Thuế thu nhập doanh nghiệp	533.234.089	-	533.234.089	-
	543.000.244	-	533.234.089	9.766.155
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	281.276.170	281.276.170	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	86.408.324	86.408.324	-
Thuế thu nhập cá nhân	54.252.516	1.062.715.499	933.998.042	182.969.973
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.302.671.773	2.478.201.286	1.824.470.487
Thuế nhà thầu	-	1.549.028.572	1.549.028.572	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
	54.252.516	7.286.100.338	5.332.912.394	1.909.305.532

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi vay phải trả	2.938.607.601	1.781.416.418
Chi phí phải trả khác	797.354.254	932.518.139
	3.735.961.855	2.713.934.557

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
Nhận ký quỹ của thuyền viên	4.707.036.903	4.017.177.724
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	290.835.576	534.240.107
Kinh phí công đoàn	230.529.193	100.943.752
Công ty TNHH Tân Long	-	40.775.470.000
Phải trả khác (*)	10.024.148.030	11.777.127.452
b. Bên liên quan		
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	2.083.500.000	1.045.350.000
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - Công ty TNHH Nhà nước MTV	1.628.200.000	816.375.000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	309.472.932	296.972.932
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	86.938.490	-
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	-	1.286.450.000
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí Lô 01 & 02 - Công ty TNHH Nhà nước MTV	-	600.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	-	733.826.958
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	413.549.421
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	37.980.000
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông	-	12.974.916
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần Xí nghiệp Xăng dầu Petec Hải Phòng	-	3.464.624
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	-	8.102.468
	19.360.661.124	62.460.005.354

(*) Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả liên quan đến dịch vụ tàu biển mà Công ty thu hộ khách hàng như chi phí cảng vụ, cảng phí, phí lai dắt tàu, phí nước ngọt v.v...

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay ngắn hạn	6.005.784.702	7.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 20)	70.683.232.226	58.942.450.000
	<u>76.689.016.928</u>	<u>65.942.450.000</u>

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 820/2019/HĐTD/BTA/01 ký ngày 07 tháng 10 năm 2019. Tổng hạn mức cho vay của hợp đồng này là 20.000.000.000 đồng và thời hạn vay không vượt quá 04 tháng theo từng lần nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại và vận tải. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất vay từ 6,5%/năm đến 9%/năm.

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (*)		
- Vay dài hạn	-	52.348.100.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	45.317.525.000	58.942.450.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (**)		
- Vay dài hạn	121.142.206.493	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả	14.683.903.506	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (***)		
- Vay dài hạn	124.621.136.280	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả	10.681.803.720	-
	<u>316.446.574.999</u>	<u>111.290.550.000</u>

(*) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn được giải ngân theo Hợp đồng cho vay số 04/2007/HĐTD-TCĐK-22.16 ký ngày 14 tháng 12 năm 2007 với hạn mức tín dụng là 13.770.000 Đô la Mỹ để đầu tư mua tàu Phuong Dong Star. Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Phuong Dong Star, tàu Jupiter và tàu Venus. Lãi suất vay được áp dụng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở SIBOR 6 tháng cộng 1,6%/năm.

(**) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được giải ngân theo Hợp đồng cho vay số 301/2018/HĐTD/TTKD Q3/01 ký ngày 02 tháng 01 năm 2019 với số tiền vay là 138.990.000.000 đồng (tương đương 6.000.000 Đô la Mỹ theo hợp đồng hoán đổi tỷ giá hai đồng tiền) để đầu tư mua tàu PVT Synergy. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Synergy. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở LIBOR 6 tháng cộng 3,5%/năm.

(***) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông được giải ngân theo Hợp đồng tín dụng số 0675/2019/HĐTD-OCB-DN ký ngày 20 tháng 8 năm 2019 với số tiền vay là 5.827.000 Đô la Mỹ để đầu tư mua tàu PVT Neptune. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Neptune. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở LIBOR 6 tháng cộng 3,2%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	70.683.232.226	58.942.450.000
Trong năm thứ hai	28.926.308.468	52.348.100.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	86.778.925.404	-
Sau năm năm	130.058.108.901	-
	316.446.574.999	111.290.550.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (trình bày tại khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	(70.683.232.226)	(58.942.450.000)
	245.763.342.773	52.348.100.000

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	29.500.000	295.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	29.500.000	295.000.000.000	20.000.000	200.000.000.000

Cổ phần	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	29.500.000	20.000.000
+ Cổ phần phổ thông	23.500.000	17.000.000
+ Cổ phần ưu đãi	6.000.000	3.000.000
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	29.500.000	20.000.000
+ Cổ phần phổ thông	23.500.000	17.000.000
+ Cổ phần ưu đãi	6.000.000	3.000.000

Công ty đã phát hành 23.500.000 cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định có mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần và 6.000.000 cổ phần ưu đãi cố tức (trong đó có 3.000.000 cổ phần ưu đãi cố tức được nhận gấp 1,5 lần so với cổ phần phổ thông và 3.000.000 cổ phần ưu đãi cố tức được nhận gấp 1,4 lần so với cổ phần phổ thông trong 3 kỳ chia cổ tức liên tiếp kể từ khi bắt đầu chia cổ tức, hết thời hạn này, cổ phần ưu đãi cố tức sẽ tự động chuyển thành cổ phần phổ thông, đến thời điểm báo cáo, Công ty vẫn chưa chia cổ tức và chưa có kế hoạch chia cổ tức trong năm tới). Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cố tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	500.000.000	-	9.324.612.094	209.824.612.094
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.221.193.297	1.221.193.297
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	500.000.000	-	10.545.805.391	211.045.805.391
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	8.690.586.383	8.690.586.383
Tăng vốn trong năm	95.000.000.000	-	-	-	95.000.000.000
Điều chỉnh thặng dư vốn cổ phần	-	(335.454.545)	-	-	(335.454.545)
Trích quỹ đầu tư, phát triển (*)	-	-	3.033.656.185	(3.033.656.185)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(707.853.110)	(707.853.110)
Số dư cuối năm	295.000.000.000	164.545.455	3.033.656.185	15.494.882.479	313.693.084.119

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

(*) Đây là số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019.

Chi tiết các cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tài Dầu khí	152.974.870.000	51,86	135.974.870.000	67,99
Công ty TNHH Tân Long	76.000.000.000	25,76	10.000.000.000	5,00
Các cổ đông khác	66.025.130.000	22,38	54.025.130.000	27,01
	295.000.000.000	100	200.000.000.000	100

Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 6.500.000 cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 3.000.000 cổ phần ưu đãi cổ tức có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần (cổ tức được nhận gấp 1,4 lần so với cổ phần phổ thông trong 3 kỳ chia cổ tức liên tiếp kể từ khi bắt đầu chia cổ tức, hết thời hạn này, cổ phần ưu đãi cổ tức sẽ tự động chuyển thành cổ phần phổ thông). Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ ("USD")	259.818	500.336
Đô la Singapore ("SGD")	629	651
Euro ("EUR")	1.612	-

Cam kết thuê hoạt động

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	38.647.400.000	38.468.761.364

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	38.502.400.000	38.357.400.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	54.029.400.000	90.043.800.000
	92.531.800.000	128.401.200.000

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê phải trả cho việc thuê văn phòng tại Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn thuê là 03 năm từ ngày 01 tháng 7 năm 2018; số tiền thuê xe có thời hạn thuê là 01 năm từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 và số tiền thuê tàu PVT Saturn từ ngày 22 tháng 6 năm 2017 đến ngày 22 tháng 6 năm 2022.

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành bốn bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển; Bộ phận kinh doanh thương mại; Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý và Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác. Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh như sau:

Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển - kinh doanh vận tải bằng tàu.

Bộ phận kinh doanh thương mại - kinh doanh mua bán mặt hàng xăng dầu và hàng hóa khác.

Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý - kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển.

Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác - kinh doanh từ cấp dầu, chuyển tài, cảng phí,..v.v.

1041
CÔNG
TY CỔ
PHẦN
VẬN
TẢI
DẦU
PHƯƠNG
ĐÔNG
VIỆT
HỒ C

C.T. PH. V. T. Đ. V.
HỒ C

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
THUYẾT MINH BAO CAO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán

SỐ CUỐI NĂM

	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Dịch vụ đại lý VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	699.724.844.363	3.976.761.768	1.719.217.379	175.820.000	705.596.643.510
Tài sản không phân bổ					63.929.964.389
Tổng tài sản hợp nhất					769.526.607.899
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	450.258.719.312	254.435.617	93.665.640	1.021.083.437	451.627.904.006
Nợ phải trả không phân bổ					4.205.619.774
Tổng nợ phải trả hợp nhất					455.833.523.780

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

NĂM NAY

	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Dịch vụ đại lý VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần ra bên ngoài	345.883.423.115	591.821.176.086	2.311.389.910	261.044.105	940.277.033.216
Doanh thu thuần cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	345.883.423.115	591.821.176.086	2.311.389.910	261.044.105	940.277.033.216
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Lợi nhuận gộp	43.832.860.487	76.901.074	803.215.195	31.182.513	44.744.159.269

Chi phí không phân bổ
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh
Doanh thu hoạt động tài chính
Lợi nhuận khác
Chi phí tài chính
Lợi nhuận trước thuế
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại
Lợi nhuận trong năm

(27.631.860.008)
17.112.299.261
9.778.092.440
4.925.263.198
(20.949.585.387)
10.866.069.512
(4.302.671.773)
2.127.188.644
8.690.586.383

Thông tin khác

Khấu hao

55.065.382.383

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Bảng cân đối kế toán

SỐ ĐẦU NĂM

Tài sản	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Dịch vụ đại lý VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	376.018.071.613	8.072.550.587	1.183.404.919	175.820.000	385.449.847.119
Tài sản không phân bổ					98.092.533.932
Tổng tài sản hợp nhất					483.542.381.051

Nợ phải trả

Nợ phải trả bộ phận	230.635.536.059	5.269.355.754	17.261.358.946	13.395.584.240	266.561.834.999
Nợ phải trả không phân bổ					5.934.740.661
Tổng nợ phải trả hợp nhất					272.496.575.660

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

NĂM TRƯỚC

Doanh thu	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Dịch vụ đại lý VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Doanh thu thuần ra bên ngoài	243.901.004.736	610.621.862.655	4.375.393.445	11.639.760.114	870.538.020.950
Doanh thu thuần cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	243.901.004.736	610.621.862.655	4.375.393.445	11.639.760.114	870.538.020.950
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Lợi nhuận gộp	23.690.561.764	(636.621.919)	1.279.221.473	646.335.515	24.979.496.833

Chi phí không phân bổ

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(20.831.787.934)
Doanh thu hoạt động tài chính	4.147.708.899
Lợi nhuận khác	5.231.452.960
Chi phí tài chính	2.144.048.803
Lợi nhuận trước thuế	(9.888.463.527)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.634.747.135
Lợi nhuận trong năm	(413.553.838)
	1.221.193.297

Thông tin khác

Khấu hao	21.300.055.075
----------	----------------



24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thương mại	591.821.176.086	610.621.862.655
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	345.883.423.115	243.901.004.736
Doanh thu đại lý tàu biển	2.311.389.910	4.375.393.445
Doanh thu hoạt động khác	261.044.105	11.639.760.114
	940.277.033.216	870.538.020.950

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn thương mại	591.744.275.012	611.258.484.574
Giá vốn vận chuyển xăng dầu - tàu công ty	302.050.562.628	220.210.442.972
Giá vốn đại lý tàu biển	1.508.174.715	3.096.171.972
Giá vốn hoạt động khác	229.861.592	10.993.424.599
	895.532.873.947	845.558.524.117

26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	52.039.313.447	55.303.134.043
Chi phí nhân công	53.429.807.058	39.961.116.730
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55.065.382.383	21.300.055.075
Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.837.627.097	86.203.967.265
Chi phí khác bằng tiền	58.048.328.958	52.363.554.364
	331.420.458.943	255.131.827.477

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	2.353.981.920	1.708.437.530
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.424.110.520	3.523.015.430
	9.778.092.440	5.231.452.960

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	13.317.370.542	4.512.874.694
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.763.792.653	5.375.588.833
Khác	868.422.192	-
	20.949.585.387	9.888.463.527

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương nhân viên	13.367.689.487	10.625.924.780
Chi phí mua ngoài	13.406.993.998	8.673.780.979
Các khoản khác	857.176.523	1.532.082.175
	27.631.860.008	20.831.787.934

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Nhiên liệu, vật tư, phụ tùng nhận được khi nhận tàu	3.750.139.463	-
Thu từ bồi thường tổn thất tàu	650.996.082	2.125.307.496
Thu nhập khác (*)	548.375.056	389.790.689
	4.949.510.601	2.515.098.185

(*) Thu nhập khác bao gồm thu nhập từ xử lý chênh lệch công nợ, thu tiền phạt đào tạo thuyền viên khi chấm dứt hợp đồng, thanh lý công cụ, dụng cụ cũ v.v...

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	4.302.671.773	136.039.944
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	277.513.894
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.302.671.773	413.553.838

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	10.866.069.512	1.634.747.135
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	10.763.940.624	463.231.552
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(116.651.273)	(1.417.778.970)
Thu nhập chịu thuế	21.513.358.863	680.199.717
Thu nhập tính thuế	21.513.358.863	680.199.717
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.302.671.773	136.039.944

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.127.188.644	-
	2.127.188.644	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% (2018: thuế suất 20%) trên thu nhập tính thuế.



32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	8.690.586.383	1.221.193.297
Loại trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	85.483.531
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) (**)	8.690.586.383	1.135.709.766
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	20.923.836	17.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	415	67

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trích theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 được phê duyệt theo Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019. Theo đó, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích theo tỷ lệ là 7% trên lợi nhuận sau thuế.

(**) Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa xem xét đến ảnh hưởng của 6.000.000 cổ phần ưu đãi cổ tức bởi vì trong năm Công ty vẫn chưa có kế hoạch chia cổ tức cho cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức.

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 căn cứ vào số quỹ khen thưởng, phúc lợi thực tế được phân phối từ lợi nhuận năm 2018, như sau:

	Số đã báo cáo VND	Trình bày lại (giảm)/ tăng VND	Số sau trình bày lại VND
Loại trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	85.483.531	85.483.531
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) (*)	1.221.193.297	(85.483.531)	1.135.709.766
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	72	(5)	67

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ Phần Sơn Dầu Khí Việt Nam	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - Công ty TNHH Nhà nước MTV	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Bảo hiểm PVI Thăng Long	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Bảo hiểm PVI Thành phố Hồ Chí Minh	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Thành phố Hồ Chí Minh	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ tại Hà Nội	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu tại Daklak	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam- Công ty Cổ phần Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Đình Vũ	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần Xí nghiệp Xăng dầu Petec Hải Phòng	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí Lô 01 & 02 (Điều hành Dầu khí) - Công ty TNHH Nhà nước MTV	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH Tân Long	Cổ đồng lớn

001125
CHI N
CÔN
CH NHIỆ
DELO
VIỆT
TP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cước vận chuyển		
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	39.025.741.164	63.720.157.356
Doanh thu thương mại		
Chi nhánh Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	6.744.627.792	9.764.504.727
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	9.634.859.685	-
Doanh thu đại lý		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	1.209.090.912	1.504.545.454
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	1.222.177.762	-
Doanh thu khác		
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	1.808.214.010	1.266.928.860
Thu nhập khác		
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI		2.125.307.496
Mua hàng hóa/dịch vụ trong năm		
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	2.702.886.011	4.571.260.712
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	7.385.911.812	4.283.200.293
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Hà Nội	249.561.760	3.788.751.491
Công ty Cổ phần Lọc hóa Dầu Bình Sơn	-	1.922.700.297
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	916.681.325	6.261.970.890
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	-	4.970.628
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	36.315.318.500	36.216.998.962
Công ty Bảo hiểm PVI Thăng Long	316.511.545	200.908.776
Công ty Bảo hiểm PVI Thành phố Hồ Chí Minh	176.305.178	210.679.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	144.522.206	2.576.237
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	2.736.933.467	999.325.623
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	-	28.000.005
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	3.539.222.791	11.891.763.175
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Thành phố Hồ Chí Minh	-	361.025.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Thọ tại Hà Nội	356.873.537	50.620.448
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu tại Daklak	-	6.810.909
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	75.201.190	3.263.818
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	1.138.445.735	50.827.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	10.322.303	10.458.555
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	67.059.238	24.332.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	29.896.618	16.714.828
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	1.346.227.932	11.376.436
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	-	1.600.000
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông	-	11.795.377
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần Xí Nghiệp Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	-	7.365.880
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Đình Vũ	-	3.799.000
Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - Công ty Cổ phần Xí nghiệp Xăng dầu Petec Hải Phòng	-	20.365.555
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	3.068.368.365	-
Công ty TNHH Tân Long	2.548.093.125	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - Công ty TNHH Nhà nước MTV	1.628.200.000	-
Công ty Cổ Phần Sơn Dầu Khí Việt Nam	591.913.750	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua tài sản cố định		
Công ty TNHH Tân Long	212.957.250.000	-
Nhận tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông lớn sau:		
Công ty TNHH Tân Long	66.000.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	17.000.000.000	-
Các khoản vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn:		
- Gốc vay đã thanh toán	59.802.331.250	52.712.500.000
- Lãi vay đã trả	3.486.699.571	5.038.122.541

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng	2.247.564.737	1.783.764.523

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán được trình bày trong các Thuyết minh số 6, 8, 15 và 18. Ngoài ra số dư khác như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn:		
- Gốc vay phải trả	45.317.525.000	111.290.550.000
- Lãi vay phải trả	921.187.725	1.775.471.213

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 2.938.607.601 đồng (năm 2018: 1.781.416.418 đồng), là số tiền lãi vay phải trả phát sinh trong năm nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua sắm tài sản cố định không bao gồm số tiền 42.451.500.000 đồng (năm 2018: 0 đồng), là số tiền Công ty đã ứng trước cho nhà cung cấp để mua tàu trong năm trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 437.576.713 đồng (năm 2018: 373.049.167 đồng), là số tiền lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa nhận được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.



Tăng Kim Thụy Vi
Người lập biểu



Nguyễn Thái Đạo
Kế toán trưởng



Hồ Sĩ Thuận
Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020